Quyển 13 (Kinh số 304 - 342)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

364 KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 13 304. BA MƯƠI SÁU PHÁP1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thôn Điều Ngưu.1 2 Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thây nghe. Những pháp áy phân đâu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch.3 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Có ba mươi sáu pháp. Là ba mươi sáu pháp nào? Đó là sáu căn, sáu trần, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân và sáu ái thân. Sáu căn là gì? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn. Sáu trần là gì? Đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Sáu thức thân là gì? Là nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. Sáu xúc thân là gì? Đó là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc. Sáu thọ thân là gì? Đó là thọ do nhãn xúc sanh ra, thọ do nhĩ xúc sanh ra, thọ do tỷ xúc sanh ra, thọ do thiệt xúc sanh ra, thọ do thân xúc sanh ra và thọ do ý xúc sanh ra. Sáu ái thân là gì? Đó là ái do nhãn xúc sanh, ái do nhĩ xúc sanh, ái do tỷ xúc sanh, ái do thiệt xúc sanh, ái do thân xúc sanh và ái do ý xúc sanh. Nếu có người cho rằng "mắt l ngã,5,4 điều đó không đúng. Vì sao như vậy? Vì mắt có sanh có diệt. Nếu "mắt là ng*' thì cái "nga” ấy phải chịu sanh tử. Cho nên, nếu nói rằng mắt là ngã, điều đó không đúng. ỉ Cũng vậy, những pháp như săc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ do nhãn xúc sanh ra, nếu chúng là điều đó không đúng. Vì sao như vậy? Vì thọ do nhãn xúc sanh ra là pháp sanh diệt. Nếu thọ do nhãn xúc sanh ra là "ngỗT thi cái "ngâT ấy phải chịu sự sanh tử. Cho nên nói rằng thọ do nhãn xúc sanh ra là "ngâT, điều đó không đủng.

1 Tựa đề đức Phật dạy trong kinh. Tạp.(r.02. 0099.304. 0086c23). Tham chiếu từ Tạp.(7L02. 0099.323 0091c23) pho đến Tạp.(T.02. 0099.327. 0092al3); Tạp.(T.02. 0099.330. 0092a28); M. 148, Chachakka Suita (Kinh sáu sau); s. 35.60 - IV. 32. 2 Điều Ngưu tụ lạc (). 3 Nguyen tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tinh, Phạm hạnh thanh bạch (,,).Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tĩ. 55;2., (T.02. 0099.53. 0012C04). 4 Nguyên tác: Nhãn thị ngã (cakkhu attāti): Mắt là tự ngã.

QUYỂN 13 365

Do đó? thọ do nhãn xúc sanh ra không phải là "ngâL" Cũng vậy, thọ do nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc sanh ra đều không phải là "ngã." Vì sao như vậy? Vì thọ do ý xúc sanh ra là pháp sanh diệt, nếu thọ đó là "ngã" thi cái “ngỗT ấy lại phải chịu sự sanh tử. Cho nên, thọ do ý xúc sanh ra là "ng*', điều đó không đúng. Vậy nên, thọ do ý xúc sanh ra không phải là "ng” Như vậy, này các Tỳ-kheo! cần phải biết đúng như thật về sự tác thành của mắt, sự tác thành của trí, sự tác thành của tịch diệt, khai mở thần thông, thẳng đến Niết-bàn. Thế nào la thấy biết đúng như thật về sự tác thành của mắt,... (cho đến) thẳng đến Niết-bàn? ở đây, này các Tỳ-kheo! Mắt chẳng phải là ngã. [Những pháp như] sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm

thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, tất cả chúng phải được quán sát chẳng phải là ngã. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng nói như vậy. Đó gọi là thấy biết đúng như thật về sự tác thành của mắt,... (cho đến) thẳng đến Niet-bàn. Đó gọi là Kinh ba mươi sáu pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

305. SÁU PHÂN BIỆT VỀ SÁU NHẬP xứ56 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ ở thôn Điều Ngưu. Bây giơ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy nghe. Pháp ấy phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch/ đó là Kinh sáu phân biệt ve sáu nhập xứ. Hãy lang nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thay. Thế nào là Kinh sáu phân biệt về sáu nhập xứ? Nghĩa là, đối với nhãn căn mà không thấy biết đúng như thật. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khổ không vui đều không được thấy biết đúng như thật. Vì không thấy biết đúng như thật nên đắm nhiễm nơi mắt; đắm nhiễm nơi sác, nơi nhãn thức, nơi nhãn xúc và nơi nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thảy đều bị đắm

5 Tựa đề đức Phật dạy trong kinh. Tạp.(r02. 0099.305. 0087a27). Tham chiếu: M. 149, Mahāsalāyatanika Sutta (Đại kinh sáu xứ). 6 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tinh, Phạm hạnh thanh bạch (,).Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tr. 55; Tạp. *.02. 0099.53. 0012C04).

nhiễm. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý?... pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thảy đều không được thấy biết đúng như thật, vì không thấy biết đúng như thật nên sanh ra đắm nhiễm. Như vậy, do đắm nhiễm nên bị dính mắc,7 mê mờ, luyến tiếc, trói buộc tâm mình, nuôi lớn năm thủ uẩn và tham ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, [đi cùng với] hỷ và tham,8 thảy đều tăng trưởng, khiến cho thân tâm mệt mỏi, thân tâm bị thiêu đốt, thân tâm bị bốc cháy, thân tâm bị điên loạn, thân sanh ra cảm thọ khô. Vì thân sanh ra cảm thọ khô cho nên sanh, già, bệnh, chét, lo, buôn, khô, não trong tương lai thảy đêu tăng trưởng, đó gọi là toàn bộ khôi khô lớn tập khởi. Này các Tỳ-kheo! Nếu đối với mắt mà thấy biết đúng như thật; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui mà thấy biết đúng như thật; thấy đúng như thật rồi thì đối với mắt không bị đắm nhiễm; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui hết thảy đều không bi đắm nhiễm. Cũng vậy đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý pháp đều thấy biết đúng như thật. Đoi với pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thảy thấy biết đung như thật. Do thấy biết đúng như thật nên đối với ý không bi đắm nhiễm; đoi với pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ

bên trong, hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thảy đều không đam nhiễm. Vì không đắm nhiễm nên không bị dính mắc, không mê mờ, không luyến tiếc, không trói buộc khiến năm thủ uẩn bị tổn giảm và tham ái đưa đến đời sau, [đi cùng với] hỷ và tham rồi đắm trước chỗ này chỗ kia, thảy đều bị tiêu diệt, nên thân không mệt mỏi, tâm không mệt mỏi, thân không thiêu đốt, tâm không thiêu đốt, thân không bốc cháy, tâm không bốc cháy; ngược lại, thân cảm thấy an vui, tâm cảm thấy an vui. Vì thân tâm cảm thấy an vui cho nên sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não trong đời tương lai thảy đều tiêu diệt. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn này tiêu diệt. Biết như vậy, thấy như vậy gọi là tu tập đầy đủ chánh kiến, cũng là tu tập thanh tịnh đây đủ chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định và chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng đã nói ở trước. Đây gọi là tu tập thanh tịnh đầy đủ Thanh đạo tám chi. Tu tập đầy đủ Thánh đạo tám chi rồi thì cũng tu tập đay đủ bon niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực và bảy Bồ-đề phần.

7 Nguyên tác: Tương ưng Theo Hán dịch A-hàm kinh từ 7 ,"tương ưng” mang nghĩa là bị trói buọc . 8 Nguyên tác: Đương lai hữu ái tham hy .Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.123. 0040Ồ02: Đương lai hữu ái tham hỷ câu
.

Nếu pháp nào nên biết rõ, nên thấu suốt thì phải biết rõ, phải thấu suốt. Nếu pháp nào nên biết rõ, nên đoạn trừ thì phải biết rõ? phải đoạn trừ. Nếu pháp nào nên biêt rõ, nên tác chứng thì phải biết rõ, phải tác chứng. Nếu pháp nào nên biêt rõ, nên tu tập thì phải tu tập cho xong. Những pháp nào nên biết rõ, nên thấu suốt thì phải biết rõ, phải thấu suốt? Đó là danh và sắc. Những pháp nào nên biết rõ, nên đoạn trừ? Đó là vô minh và hữu ái. Những pháp nào nên biết rõ, nên tác chứng? Đó là minh và giải thoát. Những pháp nào nên biết rõ? nên tu tập? Đó là pháp chỉ và pháp quán. Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp nên biết rõ, nên thấu suốt thì vi ấy phải biết rõ, phải thâu suôt; đôi với pháp nào nên biêt rõ, nên đoạn trừ thì vi ây phải biêt rõ? phải đoạn trừ; đối với pháp nào nên biết rõ? nên tác chứng thì vị ấy phải biết rõ9 phải tác chứng; đối với pháp nào nên biết rõ, nên tu tập thì vi ấy phải biết rõ, phải tu tập; đó gọi là vi Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, tỏ ngộ hoàn toàn,9 vượt thoát khổ đau. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Kinh sáu phân biệt về sáu nhập xứ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

306. ĐỀ ĐƯỢC THÁY PHÁP1011 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.* Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo sống nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, khởi lên ý niệm: uTỳ-kheo nen biết như thế nào, thấy như thế nào để được thấy pháp?" Suy nghĩ như vậy rồi, Tỳ-kheo liền rời chỗ ngồi, đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Con sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, khởi ý niệm như vầy: "Ty.kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được thấy pháp?” Khi ấy, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia rằng: Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho thầy được biết. Có hai pháp, là hai pháp nào? Đó là mắt và sắc... (nói đầy đủ như vây, cho đếrỉỸx "không

phải cảnh giới của họ.59 Vì sao như vậy? Vì mắt duyên với sắc mà sanh

9 Nguyên tác: Chánh vô gián đẳng ().Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp. (r.02. 0099.23. 0005all). 10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.306. 0087cl8). 11 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 213; Tạp.(T.02. 0099.213. 0054a01).

ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ, tưởng. Bốn uẩn vô sắc này cùng với mắt và sắc, những pháp này được gọi là con người. Do những pháp này mà tác thành nên tưởng về con người, chúng sanh, na-la? ma-nậu-xà, ma-na-bà, sĩ phu, phước-già-la9 kỳ-bà, thiền-đầu.12 Lại nói như vầy: "Mắt tôi thấy sắc, tai tôi nghe tiếng, mũi tôi ngửi mùi, lưỡi tôi nếm vị, thân tôi chạm biết, ý tôi phân biệt ph"Vị ấy giả lập và nói rằng: Tôn giả này tên như vậy, sanh ra như vậy, có họ như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, trường thọ như vậy, ở lâu như vậy, thọ mạng giới hạn như vậy?5 Này Tỳ-kheo! Những ý niệm trên thuộc về tưởng, thuộc về ghi nhớ, thuộc về ngôn thuyết. Các pháp này thảy đều vô thường, hữu vi, do suy nẹhĩ, mong cầu sanh ra. Nếu các pháp là vô thường, hữu vi, do suy nghĩ, mong câu sanh ra thì đó là khổ. Lại nữa, pháp ấy sanh cũng khổ, trụ cũng khổ, diệt cũng khổ, tái sanh nhiều lần cũng khổ, hết thảy đều khổ. Nấu khổ ấy đoạn trừ hết không sót lại gì, loại bỏ hết, dứt sạch, lìa dục? tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghỉ,13 các khổ khác không còn tiếp nối, không còn phát sanh nữa thì đó là tịch diệt, đó là thắng diệu. Nghĩa là xả bỏ tất cả hữu dư, dứt sạch mọi ái dục, được vô dục, diệt tận, Niết-bàn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân duyên với xúc mà sanh ra thân thức, ba yêu tô này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Bôn uân vô sắc này cùng với thân căn là sắc ấm, những pháp này gọi là con người,... (chi tiết như đoạn trên đã nói, cho đến) diệt tận, Niết-bàn. Ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Bốn uẩn vô sắc này và bốn đại là sở y của con người;14 những pháp này gọi là con người,... (chi tiết như đoạn trên đã nói, cho đen) diệt tận, Niết-bàn. Nếu những ai đối với các pháp này, tâm tùy theo đó mà thể nhập, an trú, giải thoát, không thoái chuyển thì đối với vị ấy, những chấp trước khởi lên đều không có ngã. Này Tỳ-kheo! Biết như vậy, thấy như vậy, gọi là thấy pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

307. BẬC THẤY PHÁP15

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

^Nguyên tác:.,.Những danh từ này chỉ cho tự ngã trong những bối cảnh cụ thể. B Nguyen tác: Tận, vô dục, diệt, tức, một ().Tham chiếu: Phân biệt lục giới kỉnh (01. 0026.162. 0692al8):

Tận, vô dục, diệt, tức, chỉ (,). 14 Nguyên tác: Sĩ phu ( )chỉ cho con người.

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.307. 0088a21).

Bây giờ, có vị Tỳ-kheo sông một mình ở nơi thanh văng, chuyên tâm tư duy, khởi ý niệm như vầy: "Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được gọi là thấy pháp?y Tư duy như vậy rồi, vị ấy xả thiền, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, khởi ý niệm như vầy: "Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được gọi là thấy pháp?" Nay con kính hỏi Thế Tôn, cúi mong Ngài giải thích cho! Đức Phật bảo: -Này Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho thầy. Có hai pháp, đó là mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức (như kỉnh trên đã nói)}6 Tôn giả ấy sau khi nghe Thế Tôn dạy bèn nói kệ: Mắt, sắc hai thứ duyên, Sanh tâm và tâm pháp, Thức và xúc đều sanh, Thọ, tưởng nhân đó khởi. Đều chẳng ngã5 ngã sở, Cũng không phước-già-la, Chẳng phải ma-nậu-xà? Chẳng phải ma-na-bà. Đó chính là sanh diệt, Khổ ấm, pháp biến đổi, Duyên đây mà khởi tưởng, Lập bày có chúng sanh. Na-la, ma-nậu-xà9 Cùng với ma-na-bà5 Và tưởng nhiều loài khác, Đều do khổ ấm sanh. Các nghiệp ái, vô minh, Tích tụ ấm đời khác, Các Sa-môn ngoại đạo, Luận khác về hai pháp, Chỉ là lời nói suông, Nghe xong thêm mê loạn. Tham ái dứt không còn, Vô minh diệt vĩnh viễn, Ái sạch, các khổ dứt, Vô thượng, Phật nói rõ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

308. KHÔNG ĐẮM NHIỄM16 17 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Chư thiên và loài người đều đắm nhiễm, yêu thích, dính mắc nơi sắc. Nếu sac áy vô thường, biên đôi, diệt mat thì chư thiên và loài người kia sẽ sông rát đau khổ. Họ cũng đắm nhiễm, yêu thích, dính mắc nơi thanh, hương, vi? xúc,

16 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 306; Tạp.(T.02. 0099.306. 0087cl8). 17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.308. 0088b15). Tham chiếu: s. 35.136 - IV. 126.

pháp. Nếu các pháp ấy biến đổi, vô thường, diệt mất thì chư thiên và loài người kia cũng song rất đau kho. Đối với sắc, sự tập khởi của sắc, sự hoại diệt của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự thoát ly của sắc, Như Lai biết đúng như thật. Vì đã biết đúng như thật nên đối với sắc, Như Lai không đắm nhiễm, không yêu thích, không dính mắc. sắc ấy dẫu là vô thường, biến đổi, hoại diệt thì Như Lai vẫn luôn sống trong an lạc. Đối với sự hiện hữu, sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, thoát ly của thanh, hương, vi, xúc9 pháp, Như Lai đã biết đúng như thật. Khi đã biết đúng như thật rồi nên Như Lai không đắm nhiễm, không yêu thích, không dính mắc. Cho dù sắc này là vô thường, biến đổi, hoại diệt đi nữa thì Như Lai vẫn sống an lạc. Vì sao như vậy? Vì mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra cảm thọ, gồm cảm thọ khổ, cảm thọ vui và cảm thọ không khổ không vui. Đối với sự tập khởi của thọ, sự hoại diệt của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự thoát ly thọ này cũng phải biết đúng như thật, sắc ấy là nhân duyên sanh ra sự chướng ngại. Khi sự chướng

ngại đã không còn gọi là Niết-bàn an ổn tối thượng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra cảm thọ, gom cảm thọ kho, cảm thọ vui và cảm thọ không khổ không vui. Đối với sự tập khởi của thọ, sự hoại diệt của thọ, vi ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự thoát ly thọ này cũng phải biết đúng như thật. Pháp ấy là nhân duyên sanh ra sự chướng ngại. Khi sự chướng ngại đã diệt roi gọi là Niêt-bàn an ôn tôi thượng. Bay giơ, Thê Tôn liên noi kệ: Nơi sắc, thanh, hương, vị, XÚC, pháp, sáu cảnh giới, Xưa nay sanh vui thích, Ái nhiễm vui đắm sâu. Chư thiên và loài người, Nương vào đó làm vui, Khi biến đổi, diệt mất, Họ sanh ra kho sầu. Chỉ có bậc Hiền thánh, Thấy diệt ấy là vui, Niêm vui của thê gian, Quán sát đêu bi ai. Điều Hiền thánh thấy khổ, Thế gian cho là vui, 9 r Sự khô của thê gian, Đối với Thánh là vui. Pháp sâu xa khó hiểu, Thế gian sanh nghi hoặc, Chìm đắm trong tối tăm, Mờ mịt chẳng thấy gì. Chỉ có người trí tuệ, Mở ra nguồn sáng lớn, Lời sâu xa như thế, Phàm phu sao hiểu được, Không còn thọ thân sau, Mới hiểu rõ nghĩa mầu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

QUYỂN 13 371

309. SÓNG CHUNG VÀ SỐNG MÔT MÌNH18 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ bên hồ Yết-già,19 thuộc nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả Lộc-nữu20 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói có hai hạng người, hạng người sống cùng với người thứ hai và hạng người sống một mình.21 Vậy thế nào là người sống cùng với người thứ hai và thế nào là người sống một mình? Phật bảo Lộc-nữu: Lành thay! Lành thay! Này Lộc-nữu! Thầy có thể hỏi Như Lai nghĩa này. Rồi Phật dạy: Nếu mắt nhận biết sắc đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý? nuôi lớn tham dục; Tỳ-kheo kia thấy rồi liền vui mừng, khen ngợi, sống trong trói buộc; khi đã vui mừng, khen ngợi và sống trong trói buộc rồi thì tâm vị ấy trở nên vui thích; do vui thích nên yêu mến; do yêu mến nên tham ái; do tham ái nên bị chướng ngăn. Người sống với vui thích, yêu mến, tham ái và chướng ngăn, đó gọi là sống chung với người thứ hai. Đối với tai, mũi? lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Này Lộc-nữu! Tương tự như vậy, nếu Tỳ-kheo nào tuy sống một mình ở nơi thanh vắng nhung cũng được gọi là sống chung với người thứ hai. Vì sao như vậy? Vì không đoạn trừ, không dứt bỏ ái hỷ. Người không đoạn trừ, không biết rõ đối với ái dục, thế nên chư Phật, Như Lai gọi là sống chung với người thứ hai. Nếu có Tỳ-kheo nào [đối với sắc] đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý? nuôi lớn tham dục; Tỳ-kheo kia thây roi nhtrng không sanh tâm vui mừng, không khen ngợi, không sống trong trói buộc; do không vui mừng, không khen ngợi, không song trong trói buộc nên không vui thích; do không vui thích nên không yêu mến; do không yêu mến nên không tham ái; do không tham ái nên không bị chướng ngăn. Người sống mà không vui thích, không yêu mến, không tham ái, không chướng ngăn, đó gọi là sống một mình. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng nói như vậy. Này Lộc-nữu! Tương tự như vậy, nếu Tỳ-kheo nào tuy sống trong lầu cao nhà rộng nhung cũng giống như người đang sống một mình. Vì sao như vậy?

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.309. 0088cl8. Tham chiếu: s. 35.62 - IV. 35. 19 Yết-già trì Gaggarā Pokkharanī, tên hồ sen rất đẹp ở nước Chiêm-bà Campā. Hồ sen này do Hoàng hậu Gaggarā xây dựng nên được gọi theo tên của bà. 20 Lộc-nữu Migajāla. 21 Hữu đệ nhi trụ còn được gọi Uhữu bạn đồng trụ",sadutiyavihārī, là sống với người bạn đống học. Nhất nhất trú ,ekavihārĩ'. Người sống một mình.

Vì vị ấy đã dứt sạch tham ái, đã biết rõ. Người đã dứt sạch tham ái và đã biết rõ, chư Phật, Như Lai gọi là người sống một mình. Bấy giờ, sau khi nghe đức Phật dạy xong, Tôn giả Lộc-nữu hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. ***

310. LỘC-NỮU ĐẮC PHÁP22 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật an trú bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Khi ấy, Tôn giả Lộc-nữu đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật: Lành thay! Bạch Thế Tôn! Kính xin Ngài thuyết pháp cho con. Khi nghe pháp xong, con sẽ sống một mình nơi yên vắng, tinh chuyên thiền định, song không buông lung,...(cho đến) tự biết không còn tái sanh. Phật bảo: -Lành thay! Lành thay! Này Lộc-nữu! Thầy có thể hỏi Như Lai nghĩa như thế. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì thầy mà giảng nói. Rồi Phật dạy: Nếu mắt thấy sắc đáng yêu, đáng thích, vừa ý5 đáng nhớ5 nuôi lớn tham dục; khi đã thấy rồi thì vi ấy liền vui thích, khen ngợi, dính mắc; khi đã vui thích, khen ngợi, dính mắc rồi thì vui mừng tập khởi; khi vui mừng đã tập khởi thì kho đau tập khởi. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Này Lộc-nữu! Nêu có Tỳ-kheo nào mà mát thây sác đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý, nuôi lớn tham dục; khi đã thấy rồi thì vị ấy không vui thích, không khen ngợi, không dính mắc. Vì không vui thích, không khen ngợi, không dính mắc nên vui mừng không tập khởi. Vì vui mừng không tập khởi nên khổ đau dứt sạch. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng nói như vậy. Sau khi nghe Phật dạy xong, Tôn giả Lộc-nữu hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra về. Bay giờ, Tôn giả Lộc-nữu nghe Phật thuyết pháp, giáo giới xong, liền sống một mình ở nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... (cho đếrí) chứng đắc quả A-la-hán, được tâm giải thoát hoàn toàn.23 ***

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.310. 0089al2). Tham chiếu: s. 35.64 - IV. 37. 23 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c20).

311. TÔN GIẢ PHÚ-LÂU-NA24 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Phú-lâu-na25 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và bạch Phật: Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin hãy vì con mà thuyết pháp, khi nghe pháp xong, con sẽ ở một mình nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... cho đên tự biêt không còn tái sanh. Phật bảo Phú-lâu-na: - Lành thay! Lành thay! Thầy có thể hỏi Như Lai về nghĩa này, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì thầy mà giảng nói. Nêu Tỳ-kheo

nào mà mát thây sác đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý? nuôi lớn tham dục; khi thấy rồi, vị ấy thích thú, khen ngợi, dính mắc; do thích thú, khen ngợi, dính mắc nên hoan hỷ; do hoan hỷ rồi sanh đắm nhiễm; do đắm nhiễm rồi sanh tham ái; do tham ái nên bị chướng ngăn. Vì có hoan hỷ5 đắm nhiễm, tham ải, chướng ngăn nên cách xa với Niết-bàn. Đoi với tai, mũi? lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Này Phú-lâu-na! Nêu Tỳ-kheo nào mà mát thây sác đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý, nuôi lớn tham dục; thấy rồi nhimg không khởi tâm ưa thích, không khen ngợi, không dính mắc. Vì không ưa thích, không khen ngợi, không dính mắc nên không hoan hỷ; vì không hoan hỷ nên không đắm nhiễm; vì không đam nhiễm nên không tham ái; do không tham ái nên không có chướng ngăn. Vì không hoan hỷ, không đắm nhiễm, không tham ái, không chướng ngăn nên vị ấy đến gần với Niết-bàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Phật bảo Phú-lâu-na: Ta đã nói vắn tắt về giáo pháp, vậy thày muốn an tru ở đâu? Phú-lâu-na bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con đã nghe Thế Tôn nói vắn tắt về giáo pháp, nay con muốn du hành trong nhân gian về phía Tây xứ Du-lô-na!26

24 Iựạ_đềđặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.31 Ị. 0089b01. Tham chiếu: Mãn Nguyện tửkịnh T.02. 0108. 0502c05; Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da dược sự 7.24. 1448.3. 0010al3; M. 145, Punnovāda Sutta Kỉnh giáo giới Phú-ỉâu-na; y 35.88 -IV. 60. 25 Phu-lāu-na ,Punna, Hán dịch là Mãn Từ Tử ,Mãn Chúc Tử ,Mãn Nguyện Tử .Mãnlà tên của ngài, Từ là họ mẹ, vì lấy họ mẹ nên gọi là Mãn Từ Tử. 26 Nguyên tác: Tây phương Du-lư-na Sunãparanta. Theo DPPN, đây là quê hương của Tôn gia Phú-lâu-na Punna Therā.

Phật bảo Phú-lâu-na: Như Ta được biết, người ở phía Tây xứ Du-lô-na tánh tình hung hăng, nóng nảy, lỗ mãng, ưa thích mắng chửi. Phú-lâu-na, nếu gặp phải sự hung ác, nóng nảy, thô bạo, mắng chửi, hủy nhục của họ thì thầy phải làm sao? Phú-lâu-na bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Người dân ở phía Tây xứ Du-lô-na nếu họ nói những lời hung ác, mắng chửi, hủy nhục trước mặt con thì ngay lúc đó con nghĩ rằng: "Người dân ở phía Tây xứ Du-lô-na hiền thiện, có trí tuệ; tuy họ tỏ vẻ hung ác, mắng chửi hay hủy nhục trước mặt ta, nhimg họ vẫn chưa dùng tay đánh đập hoặc ném đá ta." Phật bảo Phú-lâu-na: Người dân ở phía Tây xứ Du-lô-na nêu hung dữ, nóng nảy, lô mãng, măng chửi thầy thì còn có thể tránh được; nhtrng nếu họ dùng tay đánh đập hoặc ném đá hại thầy thì thầy phải làm sao? Phú-lâu-na bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Người dân phía Tây xứ Du-lô-na nếu họ có dùng tay đánh đập hoặc ném đá con thì ngay lúc đó con cũng nghĩ rằng: "Dân Du-lô-na vẫn lương thiện, có trí tuệ; tuy họ dùng tay đánh đập hay ném đá ta, nhưng chưa đến nỗi dùng dao, gậy để hại ta." Phật bảo Phú-lâu-na: Nếu họ dùng dao, gậy để hại thầy thì thầy phải làm sao? Phú-lâu-na bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Người xứ Du-lô-na nếu dùng dao, gậy để hại con thì ngay lúc đó con khởi niệm: “Dân xứ Du-lô-na kia vẫn hiền thiện, có trí tuệ; tuy họ dùng dao, gậy hại ta nhưng chưa giết ta.” Phật bảo Phú-lâu-na: Giả sử họ giết thầy thì thầy phải làm sao? Phú-lâu-na bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Người dân Du-lô-na nếu có giết con thì

ngay lúc đó con nghĩ rằng: “C6 nhiều vị đệ tử của Thế Tôn nhàm chán thân này, có người dùng dao tự sát, có người uống thuốc độc, có người dùng dây thắt cổ, có người lao mình xuống hố sâu. Người dân Du-lô-na kia vẫn còn lương thiện, có trí tuệ, vì đối với thân hư mục này của ta, họ chỉ tạo chút phương tiện, giúp ta sớm được giải thoat?9 Phật bảo: Lành thay, Phú-lâu-na! Thầy khéo học hạnh nhẫn nhục. Nay thầy có thể an tru ở xứ Du-lô-na đê giáo hóa. Thầy nên đi ngay, hãy hóa độ cho những người chưa được độ thì khiến cho họ được độ, nguồi chưa an thì khiến cho họ được an, người chưa chứng Niết-bàn thì hãy khiển họ được Niết-bàn.

QUYỂN 13 375

Sau khi nghe lời Phật dạy, Tôn giả Phú-lâu-na hoan hỷ và tùy hỷ, kính lễ Phật rồi rời đi. Bấy giờ, khi đêm đã qua, trời vừa rạng sáng, Tôn giả Phú-lâu-na đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tôn giả quay trở về trụ xứ, gửi gắm ngọa cụ rồi đắp y, mang y bát du hành trong nhân gian đến xứ Du-lô-na. Đen nơi, Tôn giả an cư mùa mưa27 tại đó và thuyết pháp độ được năm trăm ira-bà-tắc? xây dựng năm trâm Tăng-già-lam và cúng dường chư Tăng các thứ vật dụng như giường nằm, chăn mền thảy đều đầy đủ. Sau khi mãn hạ, Tôn giả chứng được Tam minh rồi nhập Vô dư Niết-bàn tại nơi đó. ***

312. TUỔI GIÀ HỌC ĐẠO28 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, Ma-la-ca-cữu29 đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch rằng: Lành thay! Bạch Thế Tôn! Kính xin Ngài hãy thuyết pháp cho con, khi nghe pháp xong, con sẽ một mình ở nơi thanh vang, tinh chuyên thiền định, sông không buông lung... cho đên tự biêt không còn tái sanh. Bấy giờ, Thế Tôn nói với Ma-la-ca-cữu rằng: -Những thanh niên trẻ tuổi thông minh lanh lợi, xuất gia chưa bao lâu, đối với giáo pháp của Như Lai còn không biêng nhác, huông gì thây tuôi tác đã cao, các căn suy yếu mà lại muốn nghe Như Lai chỉ dạy vắn tắt. Ma-la-ca-cữu bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Mặc dù tuổi tác đã cao, các căn đã yếu, nhimg con vẫn muốn được nghe Thế Tôn chỉ dạy vắn tắt. Kính xin Thế Tôn chỉ dạy vắn tắt cho con, khi nghe pháp xong con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... cho đến tự biết mình không còn tái sanh. A y e y Ma-la-ca-cữu thỉnh câu như vậy lân thứ hai, roi lân thứ ba. Phật nói với Ma-la-ca-cữu: Thầy hãy thôi đi!

27 Nguyên tác: Hạ an cư .Mùa mưa ở Ấn Độ thường kéo dài khoảng hơn 3 tháng, trong khoảng thời gian đó, Phậtdạy hàng xuất gia phải ở yên một chỗ, chuyên tâm tu tập, gọi là "an *ec an cư trong mùa mưa ,vassāna cung là mùa hạ nên được dịch là "an cư mùa hạ?,.Nham phản ánh đúng nguồn gốc của vân đề nên chúng tôi dịch là "an cư mùa mưa,,, 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.312. 0089c24. Tham chiếu: s. 35.92 - IV. 72. 29 Ma-la-ca-cữu Mālunkyāputta .

376 KINH TẠP A-HÀM

Thế Tôn cũng ba lần từ chối như vậy, không vì thầy ấy mà thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Ma-la-ca-cữu: Nay Ta hỏi thầy, thầy hãy tùy ý mà trả lời. Phật hỏi: Nếu mắt

chưa từng thấy sắc, ông sẽ muốn thấy. Đối với sắc ấy, ông có khởi tâm tham muốn, ưa thích, nhớ nghĩ và nhiễm trước chăng? Ma-la-ca-cữu đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, đức Phật cũng hỏi như vậy. Phật bảo Ma-la-ca-cữu: Lành thay! Lành thay! Này Ma-la-ca-cữu! Đối với cái thấy thì hãy dùng cái thấy để hạn lượng,30 với cái nghe thì dùng cái nghe để hạn lượng, với cảm thọ31 thì dùng cảm thọ để hạn lượng, với thức tri thì lấy thức tri để hạn lượng. Rồi đức Phật nói kệ: Nếu ông chẳng phải kia, Kia cũng chẳng phải dây, Cũng chẳng ở khoảng giữa, Là vượt thoát kho đau.32 Ma-la-ca-cữu bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Thưa Thiện Thệ! Con đã rõ. Phật bảo Ma-la-ca-cữu: Ông hiểu thế nào đối với nghĩa lý rộng sâu trong giáo pháp mà Như Lai đã lược nói? Bấy giờ, Ma-la-ca-cữu dùng kệ thưa Phật: Nếu khi mắt thấy sắc, Mà đánh mất chánh niệm, Thì với sác được thây, Sẽ chấp tướng yêu thích. Người chấp tướng yêu thích, Tâm thường bị dính mắc, Khởi sanh các ái nhiễm, Vô lượng sắc cùng sanh. Tham dục, sân, hại, thọ, Khiến tâm kia thoái lui, Tăng trưởng thêm các lđìổ, Xa lìa chốn Niết-bàn. Thấy sắc, không chấp tướng, Giữ tâm trụ chánh niệm, Không nhiễm ái, ác tâm, Cũng không sanh chấp trước. Không khởi nơi các ái, Vô lượng sắc cùng sanh, Tham dục, khuể5 hại, thọ, Chăng thê hoại tâm kia.

Nguyên tác: Kiến dĩ kiến vi lượng ():Với cái thấy thì chỉ nên giới hạn trong cái thấy đó. Tham chiêu: s. 35.95 - IV. 72: Ditthe ditthamattarn bhavissati (với cái thấy chỉ là cái thấy). 31 Nguyên tác: Giác (). 32 Tham chiếu: s. 35.95 - IV. 72: Này Mâlukyapụtta, ông không có vì cái ấy, nên ông không có: 44Ở nơi dây." Do vì, này Mãlukyaputta, ông không co: ÍỞ nơi day5,,,do vậy, này Malukyaputta, ông sẽ không có đời này, đời sau và giữa hai đời ấy. Đây là sự chấm dứt khô đau (HT. Thích Minh Châu dịch).

QUYỂN 13 377

Giảm nuôi lớn các khổ, Dần tiến đến Niết-bàn, Đấng Nhật Chủng33 đã n6i, Lìa ái được Niết-bàn. Nêu tai nghe các tiêng, Tâm đánh mất chánh niệm, Chấp vào tướng âm thanh, Giữ chặt không xả bỏ. Mũi hương, lưỡi nếm vi, Thân xúc, ý niệm pháp, Mà quên mất chánh niệm, Chấp tướng cũng như thế. Tâm kia sanh yêu thích, Mê đắm trụ vững chắc, Khởi các loại tham ái, Vô lượng tập cùng sanh. Tham dục, sân, hại, thọ, Hại tâm kia thoái thất, Nuôi lớn các khổ uẩn, Mãi rời xa Niết-bàn. Không nhiễm nơi các pháp, Trụ chánh niệm, tỉnh giác, Tâm ấy chẳng nhiễm ô? Và cũng không đắm trước. Không khởi nơi các ái, Vô lượng tập cùng sanh, Tham, sân khuê, hại, thọ, Tam kia không thoái thất. Thì các khổ giảm dần, Đen gần Bát-niết-bn, Ái sạch, được Niết-bàn, Lơi The Ton đã noi. Đó chính là nghĩa lý được hiểu rõ ràng trong giáo pháp mà Thế Tôn đã lược nói. Đức Phật nói với Ma-la-ca-cữu: Đối với giáo pháp Như Lai lược nói, nay ông đã hiểu rõ ràng nghĩa lý. Vì sao như vậy? Vì đúng như bài kệ mà ông đã nói: Nếu khi mắt thấy sắc, Mà đánh mất chánh niệm, Thì với sắc được thấy, Sẽ chấp tướng yêu thích. (Nói đay đủ như trên). Bấy giờ, Tôn giả Ma-la-ca-cữu nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh le Phật rồi rơi đi. Sau khi Tôn giả Ma-la-ca-cữu giải rộng nghĩa lý trong giáo pháp mà Thế Tôn lược nói, thây ây một mình ở nơi thanh văng, tinh chuyên thiên định, sông không buông lung,... (cho đến) chứng quả A-la-hán, tâm được giải thoát. ***

313. NHẬN ĐỊNH VỀ KINH PHÁP34

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

33 Nguyên tác: Nhật Chủng (H):Dòng Họ Mặt Trời, chỉ cho đức Phật Thich-ca. Tham chieu^Sw. v. 425: Ãdỉccã nãma gottena, sãkiyã nãmajãtiyã (Dòng họ thuộc Mặt Trời, sanh tộc là Thích-ca), HT. Thích Minh Châu dịch. 34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.313. 0090ỒỒ27). Tham chiếu: s. 35.152 -IV. 138.

Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có những kinh pháp được các Tỳ-kheo ngưỡng vọng, tôn sùng; thế nhung đối với kinh pháp thì ngoài lòng tin, ngoài ước muốn, ngoài lắng nghe, ngoài thẩm sát tư duy, ngoài trầm tư để tiếp nhận sự thật,35 thì phải bằng sự hiểu biết chân chánh mà tuyên bố: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh."36 Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành... Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: - Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thầy. Này các Tỳ- kheo! Khi mắt thay sắc nhận biết là sắc, nhưng không khởi tưởng37 *36tham đối với sắc. Vị ấy biết như thật rằng: "Ta trước kia có tham đối với sắc được nhận biết bởi mắt, nhưng nay không có tham đối với sắc được nhận biết bởi mắt nữa!" Nêu Tỳ-kheo nào khi măt thây sác nhận biêt là sác mà kh6ng khởi tâm tham luyến sắc; vị ấy biết như thật rang: "Trước đây, ta có tham luyến sắc được nhận biết bởi mắt, nhixng nay đã tuyên bố rằng khônệ còn tham luyến đối với sắc được nhận biết bởi mắt nữa." Này các Tỳ-kheo! Y các thầy nghĩ sao? Vị ấy đối với giáo pháp có niềm tin, có ước muốn, có sự lắng nghe, có thẩm sát tư duy, có trầm tư để tiếp nhận sự thật chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Thưa có, bạch Thế Tôn! The Ton hoi: -Vị ây trở vê với giáo pháp ây và có biêt như thật băng chánh trí vê những điều mình biết, mình thấy chăng? Đáp: - Thưa c6, bạch Thế Tôn! r Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ỷ thì cách thức thực hành cũng nói như vậy. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là có kinh pháp mà các Tỳ-kheo tôn kính hướng thượng, thế nhưng đối với kinh pháp, ngoài lòng tin, ngoài ước muốn, ngoài sự

NguyenJtac: Dị tín, dị dục, dị văn, dị hành tư duy, dị kiến thẩm đế nhan (P Xem Tạp.ỵ^ (7L02. 0099.351. 0098c04): Dị tín, dị dục, dị văn,
dị hành giác tưởng, dị kiên phiên đế nhẫn (,;?)kinh(01.
0026.19* 0443C12): Tín, nhạo, văn, niệm, kiên thiện quán (ít,,),nghĩa là lòng
thành tín, sự ưa thích, nghe theo truyền thong, biết suy tư, thẩm sát để tiếp thọ. 36 Tham chiếu; s. 35.152 - IV 138: Có pháp môn nào, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lăng nghe, ngoài suy tư vê phương pháp (ākāra-parivitakka)^ ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận (ditthmijjanakhanti), co thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: t6Sanh đã tận, Phạm hạnh đã được thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa?" (HT. Thích Minh Châu dịch). 37 Nguyên tác: Giác

(),chỉ cho giác tưởng (vitakkā).

QUYỂN 13 379

lắng nghe, ngoài sự thẩm sát tư duy, ngoài trầm tư để tiếp nhận sự thật, thì phải bằng sự hiểu biết chân chánh mà tuyên bố: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

314. ĐOẠN DỤC38 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy cần phải đoạn dục. Sau khi đoạn dứt mọi tham dục nơi mắt thì mắt cũng được đoạn sạch, được rõ biết, cắt đứt tận gốc rễ chúng, như chặt ngọn cây đa-la, vĩnh viễn không còn tái sanh ở đời vi lai nữa. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

315. CHUYỂN BIÊN SANH DIỆT39 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỵ-kheo! Nếu nơi mắt có sanh khởi, tồn tại, biến đổi40 thì khổ sanh khởi, bệnh tồn tại, già chết hiện ra. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Nếu nơi mắt đã tịch lặng, chấm dứt, ngùng nghỉ thì khổ đã sanh cũng diệt, bệnh cũng chấm dứt, già chết cũng ngimg nghỉ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.314. 0090c19). 39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.315. 0090c25). Tham chiếu: s. 26.1 - III. 228. 40 Sanh, trụ, chuyển xuất (,hay).

380 KINH TẠP A-HÀM _____

316. SÁU CĂN VÔ THƯỜNG (2)41 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. _ rTĩ-| Ạ rr\ L 2 _ _ / _ rr^y 1 1 _ Ạ____ • Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Mắt là vô thường. Nếu mắt là thường thì không phải chiu đựng sự khổ bức bách và đối với mắt cũng có thể nói: "Ta muốn nó như thế này, không nên như thế kia." Nhưng vì mắt là vô thường cho nên nơi mắt phải chịu sự khổ bức bách, và đối với mắt không thể muốn nó như thế này, không muốn nó như thế kia. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

317. SÁU CĂN LÀ KHỔ42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* J Á • 5_ Ā rr^ L ? _ _ L _ rr^ y 1 ĩ _ Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Mắt là khổ. Nếu mắt là vui thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách và đối với mắt, ta có thể muốn nó như thế này, không nên như thế kia. Nhưng vì mắt là khổ nên phải chịu khổ bức bách và đối với mắt, ta không thể muốn nó như thế này, không nên như thế kia. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

318. SÁU CĂN VÔ NGÃ43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Mắt chẳng phải ngã. Nếu mắt là ngã thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách và đối với mắt, ta có thể muốn nó như thế này, không nên như thế kia. Nhtrng vì mắt không phải là ngã nên nó phải chiu khổ bức bách và ta cũng

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02.0099.316. 0091a02). 42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02.0099.317. 0091a09). 43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.0099.318. 0091al6).

không thê muôn nó như thê này, không nên như thê kia. Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành* Như ba kinh Sáu căn,44 ba kinh Sáu trần cũng nói như thế. ***

319. THÉ NÀO GỌI LÀ TẤT CẢ?45 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ đức Phật, cùng nhau ân cần thăm hỏi xong, ngôi sang một bên roi bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Điều gì được gọi là tất cả?46 vậy thế nào gọi là tất cả? Phật bảo Bà-la-môn: Tất cả, nghĩa là mười hai nhập xứ. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị? thân xúc chạm, ý biêt pháp, đó gọi là tát cả. Nêu lại có người nói rằng: uĐây chẳng phải là nghĩa 'tất cả9 mà Sa-môn Cù-đàm nói là 'tất cả5. Nay ta bác bỏ va lập lại một thuyết 'tất cả9 khác,5 thì họ chỉ nói trên ngôn từ, chứ khi bị chất vấn thì mù mờ, tăng thêm nghi ngờ. Vì sao như vậy? Vì pháp đó không thuộc cảnh giới của họ. Sau khi nghe đức Phật dạy xong, Bà-la-môn Sanh Văn hoan hỷ và tùy hỷ phụng hành. ***

320. TẤT CẢ ĐỀU CÓ47

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-mon Sanh Văn đến chỗ đức Phật, chào hỏi thăm nhau xong, ngồi qua một bên rồi bạch Phật:

-Thưa Cù-đàm! Ngài cho rằng tất cả đều c6, vậy thế nào gọi là tất cả đều có?

Phật bảo Bà-la-môn Sanh Văn:

44 Nguyên tác: Nội lục nhập xứ ().Xem chú thích 9, kinh số 276, quyển 11, tr. 316; Tạp. (r.02. 0099.276. 0073c09). Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.319. 0091a24). Tham chiếu: s. 35.23 - IV. 15. 46 Nhất thiết (,sabbā). 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.320. 0091Ồ04).

Nay Ta hỏi ông, ông hãy tùy ý mà trả lời. Này Bà-la-môn! Ý ông nghĩ sao? Mắt là có chăng?

Bà-la-môn đáp:

Là có, bạch Ngài!

Phật lại hỏi:

- Sắc là có chăng?

Là có, bạch Ngài!

Phật lại hỏi:

-Này Bà-la-môn! Có sắc, có nhãn thức, có nhãn xúc, có cảm thọ được sanh 9 9 ra do nhãn xúc, hoặc cảm thọ khô, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khô không vui chăng? Bà-la-môn Sanh Văn đáp: Thưa c6, bạch Ngài! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. (Chi tiết như trên, cho đến)4S không thuộc cảnh giới của họ. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, roi từ chô ngôi đứng dậy mà ra vê. ***

321. TẤT CẢ PHÁP48 49 . x Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ đức Phật, cùng chào hỏi nhau xong, ngồi qua một bên rồi bạch Phật: Thưa Sa-môn Cù-đàm! Ngài có nói về tất cả pháp. Vậy thế nào gọi là tất cả pháp? Phật bảo Bà-la-môn: Mắt duyên với sắc [sanh ra] nhãn thức, [ba yếu tố này hòa hợp gọi là] nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp [sanh ra] ý thức, [ba yếu to này hòa hợp gọi là] ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Đây gọi là tất cả pháp. Nếu lại có người cho rằng: "Bây chẳng phải 'tất cả pháp5 mà Sa-môn Cù- đàm nói là 'tất cả pháp? Nay ta bác bỏ để kiến lập lại thuyết 'tất cả pháp"thì

48 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 319; Tạp.(7.02. 0099.319. 0091a24). 49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.321. 0091Ồ15).

lời này chỉ là lời nói suông, vị khi bị chất vấn thì mù mờ, tăng thêm nghi ngờ. Vì sao như vậy? Vì chẳng phải cảnh giới của họ. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà ra về. Tương tự như ba bài kinh Bà-la-môn Sanh Văn thưa hỏi đức Phật, lại có ba bài kinh do Tỳ-kheo khác thưa hỏi, ba bài kinh do Tôn giả A-nan thưa hỏi và ba bài kinh do Thế Tôn nói về con mắt của pháp, cội gốc của pháp và chỗ y cứ của pháp, cũng được nói như trên. ***

322. CĂN VÀ TRẦN50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, mắt là căn bên trong51 nhưng Thế Tôn chỉ nói sơ lược, không giảng giải rộng rãi. Vì sao mắt là căn bên trong? Phật bảo Tỳ-kheo ấy: Mắt là căn bên trong vì nó là phần sắc chất vi tế52 do bốn đại tạo thành, không nhìn thay nhưng gây đối ngại.53 Tai, mũi, lưỡi, thân là căn bên trong cũng nói như thế. Tỳ-kheo lại thưa: - Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, ý là căn bên trong nhung không giảng giải rộng rãi. Vì sao ý là căn bên

trong? Phật bảo Tỳ-kheo: -Y là căn bên trong, là bởi tâm, ý và thức không thuộc sác chát, không nhìn thấy và cũng không gây đối ngại54 cho nên gọi ý là căn bên trong. Tỳ-kheo ấy lại hỏi: Như lời Thế Tôn dạy, sắc là trần bên ngoài nhimg Thế Tôn chỉ nói sơ lược mà không giảng giải rộng rãi. Vì sao Thế Tôn nói sắc là trần bên ngoài?

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.322. 0091c01. 51 Nguyên tác: Nội nhập xứ .p. cyjhattika āyatana cảm quan thuộc về bên trong. 52 Nguyen tácẠ Tịnh sắc ,gọi đủ là "tjnh sắc căn^, là giác quan tinh tế nhạy bén, có thể hiểu như là hệ thống thần kinh của mắt, tai* mũi, lưỡi và thân thể. 53 Nguyên tác: Bất khả kiến, hữu đối ,còn gọi là "v6 kiến hữu,tói", loại sắc không nhìn thấy nỉíimg có tính gây đối ngại, đó chính là căn tinh tế ben trong của con mắt tịnh sắc căn... 54 Nguyên tác: Bất khả kiến, vô d6i,,còn gọi là vô kiến vô đối, loại sắc không nhìn thấy cũng không có tính gây đối ngại. Ý thức và pháp xứ khòng thể thấy, không thể nắm bắt, sơ mó được nên gọi là vô đối.

Phật bảo Tỳ-kheo: Sắc là trần bên ngoài, bởi sắc do bốn đại tạo thành, có thể thấy, có gây đối ngại cho nên gọi sắc là trần bên ngoài. Tỳ-kheo lại bạch Phật: Thế Tôn nói thanh là trần bên ngoài nhưng không giảng giải rộng rãi. Vì sao thanh là trần bên ngoài? Phật dạy Tỳ-kheo: Bởi vì âm thanh do bốn đại tạo thành, không thể nhìn thấy nhưng có đối ngại. Đối với thanh, hương, vị cũng giống như thế. Tỳ-kheo ấy lại hỏi: Thê Tôn nói xúc là trân bên ngoài nhưng không giảng giải rộng rãi. Vì sao xúc là trần bên ngoài? Phật bảo Tỳ-kheo: Xúc là trần bên ngoài, nghĩa là bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, không thể thấy nhưng có đối ngại nên gọi xúc là trần bên ngoài. Tỳ-kheo ấy lại hỏi: Thê Tôn nói pháp là trân bên ngoài nhưng không giảng giải rộng rãi. Vì sao pháp là tràn bên ngoài? Phật bảo Tỳ-kheo: -Pháp là trần bên ngoài, không bao gồm mười một xứ,55 vì không thể thấy, không gây đối ngại nên gọi pháp là trần bên ngoài. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

323. SÁU CẢN55 56

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ? Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Có sáu căn. Những gì là sáu? Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

55 Nguyên tác: Thập nhất nhập sở bất nhiếp (+_ tức sáu xứ bên trong là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, y (;M) và năm xổ bên ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc (,;; j. 56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.323. 009ÍC23). Tham chiêu: Tạp.(Z02. 0099.304. 0086c23); M. 148, Chachàkka Sutia (Kinh sáu s);s. 35.60 IV. 32.

324. SÁU TRẦN57

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Có sáu trân. Những gì là sáu trân? Đó là săc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Đó gọi là sáu trần.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

***

325. SÁU LOẠI THỨC58

A

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Có sáu loại thức.59 Thế nào là sáu? Đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.60 Đó gọi là sáu loại thức.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

***

326. SÁU LOẠI XÚC61

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Có sáu loại xúc.62 Thế nào là sáu loại xúc? Đó là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.63 Đó gọi là sáu loại xúc.

57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.324. 0091c27). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.304. 0Ò86c23); M, 148, Chachakka Sutta (Kinh sáu s);s. 35.60 - IV. 32.

58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.325. 0092a03). Tham chiếu: Tạp.(102. 0099.304. 0Ò86c23); M. 148, Chachàkka Suỉta (Kỉnh sáu sáu); s. 35.60 - IV. 32.

59 Sáu loại thức (Mvmñānakāyā). Thức thân (viññānakāyd). Thân (kậyo) ngoài nghĩa thân thể ()còn có nghĩa lả chung loại (). 60 Nguyên tác: Nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân (ỉ,1 : 61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.326. 0092a08). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.304. 0Ò86c23); M. 148, Chachàkka Sutta (Kỉnh sáu sd"); s. 35.60 - IV. 32. 62 Xúc thân (,phassakāyā). 63 Nguyên tác: Nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân (, -

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

327. SÁU LOẠI THỌ64 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có sáu loại thọ.65 Những gì là sáu? Đó là thọ do nhãn xúc sanh ra, thọ do nhĩ xúc sanh ra, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh và thọ do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại thọ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

328. SÁU LOẠI TƯỞNG66 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có sáu loại tưởng.67 Những gì là sáu tưởng? Đó là tưởng do nhãn xúc sanh ra, tưởng do nhĩ xúc sanh, tưởng do tỷ xúc sanh, tưởng do thiệt xúc sanh, tưởng do thân xúc sanh và tưởng do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại tưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

329. SÁU LOẠI TƯ68
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước
Xá-vệ.
64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.327. 0092al3). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.304. 0Ò86c23); M. 148, Chachàkka Suỉta (Kinh sáu sáu); s. 35.60 - IV. 32. 65 Nguyên tác: Thọ thân (vedanākāyā). 66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.328. 0092al8). 67 Nguyên tác: Lục tưởng thân (). 68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.329. 0092a23).

QUYÊN 13 387

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có sáu loại tư.69 Thế nào là sáu loại tư? Đó là tư do nhãn xúc sanh ra? tư do nhĩ xúc sanh, tư do tỷ xúc sanh, tư do thiệt xúc sanh, tư do thân xúc sanh và tư do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại tư. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

330. SÁU LOẠI ÁI70 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Có sáu loại ái.71 Thế nào là sáu loại ái? Đó là ái do nhãn xúc sanh ra, ái do nhĩ xúc sanh, ái do tỷ xúc sanh, ái do thiệt xúc sanh, ái do thân xúc sanh và ái do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại ái. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

331. SÁU LUYẾN NHỚ72 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Có sáu loại luyến nhớ.73 Là sáu loại nào? Đó là luyến nhớ sắc, luyến nhớ thanh, luyến nhớ hương, luyến nhớ vị, luyến nhớ xúc và luyến nhớ pháp. Đó gọi là sáu luyến nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

69 Nguyên tác: Lục tư thân (). 70 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.330. 0092a28). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.304. 0086C23); M. 148, Chachakka Suỉta (Kinh sáu sáu); s. 35.60 - IV. 32. 71 Nguyên tác: Lục ái thân ( ). 72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.331. 0092Ồ04). 73 Nguyên tác: cố niệm ().

332. SÁU THỨ CHE ĐẢY74 r . Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J J Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có sáu thứ che đậy.7576 Là sáu loại nào? Đó là, sắc có nhiễm 6,76 la chấp thủ, che đậy tâm. Cũng vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp nhiêm 6, là châp thủ, che đậy tâm. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

333. SÁU CĂN VÔ THƯỜNG (3)77 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Ặ • FT^1_ Ẩ ri _ / _ nn A 1 1
Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Mắt ở quá khứ và ở tương lai đều vô thường, huống gì mắt ở hiện tại. Vị Thánh đệ tử đa văn nhờ quán sát như vậy nên không luyên tiêc đôi với mat ở quá khứ, không hân hoan đối với mắt ở tương lai, đối với mắt ở hiện tại sanh nhàm chán, lìa dục, hướng đến diệt tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Giống như nói nghĩa "'Vo thường", nghĩa Khổ, Không và Vô ngã, cũng nói như vậy. Tương tự như bôn kỉnh nói vê Căn, bôn kỉnh nói vê Trân cũng nỏi như vậy. ***

334. NHÂN, DUYÊN VÀ PHÁP TRÓI BUỘC7879 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại làng Điều Ngưu,79 thuộc dân chúng Câu-lưu.80

74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.332. 0092Ồ09). 75 Nguyên tác: Lục phú (). 76 Nguyên tác: Hữu lậu (),l tên gọi khác của phiền não, nhiễm ô. 77 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.333. 0092Ồ14). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.208. 0052C07); s. 35.7-12 . IV 4-5. 78 Tựa đề đức Phật đề cập trong nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.334. 0092b2l). 79 Nguyên tác: Điều Ngưu tụ lạc ():Làng chăn bò. 80 Nguyên tác: Câu-lưu-siru (),tên khác của Câu-lâu-sấu (Kurūsu).

-pvBay • \ rThe Á giơ, y-1-f Á rpi/\ 19 r rp \ i 1 Ton bao các Ty-kheo: Nay Ta sẽ thuyêt pháp cho các thây, phân dâu, phân giữa và phân cuôi đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhát thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch.81 Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Đó là Kỉnh có nhân, có duyên, có pháp trói buộc. r r Thê nào là Kinh có nhân, có duyên, có pháp trói buộc? Đó là, mat có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của mắt, là duyên của mắt, là sự trói buộc của mắt? Đó là, nghiệp nhân của mắt, nghiệp duyên của mắt và nghiệp trói buộc của mắt. Nghiệp có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của nghiệp, duyên của nghiệp, trói buộc của nghiệp? Ái là nhân của nghiệp, ái là duyên của nghiệp, ái là trói buộc của nghiệp. Ái có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của ái, duyên của ái, trói buộc của ái? Vô minh là nhân của ái, vô minh là duyên của ái, vô minh là trói buộc của ái. Vô minh có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của vô minh, duyên của vô minh, trói buộc của vô minh? Đó là, tư duy không chân chánh là nhân của vô minh, tư duy không chân chánh là

duyên của vô minh, tư duy không chân chánh là trói buộc của vô minh. Tư duy không chân chánh có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của tư duy không chân chánh, duyên của tư duy không chân chánh, sự trói buộc của tư duy không chân chánh? Đó là, do mắt duyên với sắc mà có tư duy không chân chánh nên si mê sanh khởi; khi mắt duyên với sắc mà tư duy không chân chánh nên si mê sanh khởi thì si mê ấy gọi là vô minh; si mê mong cầu tham dục đó gọi là ái; những việc do ái tạo tác gọi là nghiệp. Như vậy, này Tỳ-kheo! Tư duy không chân chánh là nhân của vô minh; vô minh là nhân của ái; ái là nhân của nghiệp; nghiệp là nhân của mắt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đó gọi là Kinh có nhân, có duyên, có pháp trói buộc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 335. ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG82 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại làng Điều Ngưu, thuộc dân chúng Câu-lưu.

81 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch (,).Xem chu thích 94, kinh số 53, quyển 2, tr.
55;.• &.02. 0099.53. 0012C04). 82 Tựa đề được đức Phật dạy trong nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.335. 0092c12). Tham chiếu: Tăng.(7L02. 0125.37.7. 0713cl2); Tăng. Ĩẩ (7.02. 0125.51.8. 0819bll).

390 KINH TẠPA-HÀM

Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần dầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhát thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch,83 đó là Kinh đệ nhất nghĩa không. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào gọi là Kỉnh đệ nhất nghĩa không? Này các Tỳ-kheo! Khi mắt sanh khởi thì không có nơi đến, lúc mắt diệt thì cũng không có chốn về. Như vậy, mắt chẳng thật sanh nên sanh rồi diệt, có nghiệp báo nhưng không có người tạo tác. Khi ấm này diệt, ấm khác nối tiếp, ngoại trừ pháp duyên khởi.84 Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy, trừ pháp duyên khởi. Pháp duyên khởi nghĩa là, do cái này có nên cái kia c6, cái này khởi nên cái kia khởi.85 Cũng như do vô minh mà có hành, do hành mà có thức,...nói rộng ra cho đến toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Lại nữa, vì cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt,... nói đầy đủ như vậy cho đến toàn bộ idiối khổ lớn diệt. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là Kỉnh đệ nhất nghĩa không. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

336. SÁU HỶ HÀNH86 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Có sáu hỷ hành.87 Thế nào là sáu hỷ hành? Nay các Tỳ-kheo! Đó là khi mắt thấy sắc, liền biểu hiện ưa thích đối với sắc xứ88 ấy. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì biểu hiện ưa thích đoi với pháp xứ ấy. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là sáu hỷ hành.

83 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch .Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tĩ.
55; Tạp. T.02. 0099.53. 0012c04. 84 Nguyên tác: Tục số pháp Pháp duyên khởi. Xem giải thích ở chú thích tiếp theo. 85 ^Liyên tác: Tục số pháp vị: Thử hữu cố, bỉ hữu; thử khởi cố, bỉ khởi

86 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.336. 0092c27. Tham chiếu: Phân biệt lục giới •roi. 0026.162. 0690al9. 87 Nguyên tác: Lục hỷ hành / \.Tập dị môn túc luân T.26. 1536.15. 0429c26 ghi là lục hỷ cận hành .Hành upavicāro: Biêu hiện của ý, sự nhận rõ. 88 Nguyên tác: sắc xứ ,một trong 12 xứ ....

QUYỂN 13 391

e _ v . . - \ Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

337. SÁU ƯU HÀNH89 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Có sáu ưu hành.90 Thế nào là sáu ưu hành? Này các Tỳ-kheo! Đó là khi mat thây săc liên biêu hiện lo buôn đôi với sác xứ ây. Khi tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì biểu hiện lo buồn đôi với pháp xứ ây. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là sáu ưu hành. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

338. SÁU XẢ HÀNH91 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có sáu xả hành.92 Thế nào là sáu xả hành? Này các Tỳ-kheo! Đó là khi mat thây săc thì biêu hiện xả đôi với săc xứ ây. Khi tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì biểu hiện xả đối với pháp xứ ấy. Đó gọi là sáu xả hành của Tỳ-kheo. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

339. SÁU THƯỜNG HÀNH (l)93
Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ.
89 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.337. 0093a04). 90 Nguyên tác: Lục ưu hành ().Tập dỉ môn túc luận (r.26. 1536.15. 0429c26) gọi là 'c ưu cận hành^,(ỉẩ). 91 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.338. 0093al0). 92 Nguyên tác: Lục xả hành (/\).Tập dị môn túc luận (T.26. 1536.15. 0429c26) gọi là 4tlục xả cận hàĩlh,, (iẩ). 93 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.339. 0093al6).

392 KINH TẠP A-HÀM

Á *5 Ấ FT^ 1 ? _ __ rT^ *1 *1 Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có sáu thường hành.94 Thế nào là sáu thường hành? Đó là, nếu Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, an tru tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi? thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì cảm thọ không khổ không vui, an tru tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Đó gọi là sáu thường hành của Tỳ-kheo. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 340. SÁU THƯỜNG HÀNH (2)95 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* J J nBay Ậ giơ, -| Á rriTon bảo các • A. rriThe / _ FT^Ty-kheo: 9 _ A -l 4 - Có sáu thường hành.96 Thế nào là sáu thường hành? Nếu Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, tâm an trú với xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp, cảm thọ không kho không vui, an trú tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu thường hành này là điều thế gian khó đạt được. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 341. PHÁP KHÓ ĐẠT ĐƯỢC97 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J J • Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: —Có sáu thường hành. Thế nào là sáu thường hành? Nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, an tru với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp,

94Lục thường hành ()cũng gọi là ulục hằng trú" ().Theo Táp di môn túc luận (T.26. 1536.Í5. 0430b02-b08)AThê nào là sáu hằng trú? Đáp: (i) Khi mắt thấy sắc, không hỷ không ưu, đầy đủ chánh niệm tỉnh giác, hằng an trú với xả; (ii\Khi tai nghe tiếng... (cho đến) (vi) Ý nhận biết pháp, không hỷ không iru, đầy đủ chánh niệm tỉnh giác, hằng an trú với (:: „tì. 95 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.340. 0093a22). 96 Xem chú thích 94 ở trên. 97 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.341. 0093a29).

QUYỂN 13 393

9 . . ,

cảm thọ không khô không vui, an tru với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Đó gọi là sáu thường hành. r y e r Nêu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu thường hành này, điêu mà người thê gian khó đạt được thì vị ấy là bậc đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng của thế gian. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 342. BẬC PHƯỚC ĐIỀN vô THƯỢNG9899 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xa-ve* * Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Có sáu thường hành. Thế nào là sáu thường hành? Đó là, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp, cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu thường hành này, nên biết vị ấy chính là Xá-lợi-phất. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khi mắt thấy sắc, cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân

xúc chạm, ý nhận biết pháp, cảm thọ không khô không vui, an tru tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu sáu pháp thường hành mà thế gian khó đạt được, cho nên ông ấy xứng đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng của thế gian. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành."

98 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.342. 0093ỒỒ08). 99 Bản Hán, hết quyển 13.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.